

Số: /2023/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM KHOÁ X KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư 06/2023/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về chính sách hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị-xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện và công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã);

b) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

c) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc sử dụng kinh phí thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 2. Điều kiện được hưởng

1. Chính sách hỗ trợ đào tạo

a) Đối tượng được cử đi đào tạo sau đại học

Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc quy hoạch chức vụ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan trong hệ thống chính trị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh: (1) Được cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ và tương đương; (2) Người dân tộc thiểu số được cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ và tương đương; (3) Công tác trong lĩnh vực y tế được cử đi đào tạo bác sĩ chuyên khoa I, bác sĩ chuyên khoa II, đảm bảo điều kiện:

Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) và 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

Không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu;

Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo;

Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học phải được sự đồng ý bằng văn bản của cấp có thẩm quyền trước khi dự tuyển;

Có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu theo quy định của cơ sở đào tạo (đối với trường hợp đi học ở nước ngoài).

b) Đối tượng được cử đi đào tạo trình độ trung cấp, cao cấp lý luận chính trị

Cán bộ, công chức, viên chức hiện đang giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ phó trưởng phòng cấp huyện và tương đương trở lên hoặc được quy hoạch dự nguồn các chức danh này, nằm trong kế hoạch cử đi đào tạo lý luận chính trị của cấp có thẩm quyền.

2. Nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng

Áp dụng đối với đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này thực hiện đào tạo, bồi dưỡng các nội dung sau:

- a) Lý luận chính trị.
- b) Kiến thức quốc phòng và an ninh.
- c) Kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước.
- d) Kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ đào tạo

1. Hỗ trợ đào tạo trong nước

a) Đào tạo Tiến sĩ và tương đương: Hỗ trợ 50% học phí (nếu là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ 100% học phí); 30.000.000 đồng/người/khóa sinh hoạt phí; 10.000.000 đồng/người/khóa làm và bảo vệ luận văn tốt nghiệp;

b) Đào tạo Thạc sĩ và tương đương: Hỗ trợ 50% học phí; 20.000.000 đồng/người/khóa sinh hoạt phí; 5.000.000 đồng/người/khóa làm và bảo vệ luận văn tốt nghiệp;

c) Đào tạo lý luận chính trị:

Học phí: Hỗ trợ 100% học phí (Trừ các lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ không tập trung do cá nhân CBCCVC tự túc đi học).

Sinh hoạt phí: Ngoài mức hỗ trợ hằng tháng do các cơ sở đào tạo chi trả theo quy định hiện hành, khi cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo tại các cơ sở đào tạo cách nhà ở trên 10km thì được hỗ trợ thêm:

Cao cấp lý luận chính trị tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (hệ không tập trung, tập trung, lớp hoàn chỉnh kiến thức): 1.500.000 đồng/người/tháng;

Cao cấp lý luận chính trị tại Đà Nẵng (hệ không tập trung, tập trung, lớp hoàn chỉnh kiến thức): 1.000.000 đồng/người/tháng;

Cao cấp lý luận chính trị hệ không tập trung tại Quảng Nam và Trung cấp lý luận chính trị (Trừ các lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ không tập trung do cá nhân CBCCVC tự túc đi học): 700.000 đồng/người/tháng;

Mức hỗ trợ trên được tính theo tháng học thực tế.

Các đối tượng trên nếu là nữ hoặc người dân tộc thiểu số đi học cao cấp lý luận chính trị tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng được hỗ trợ thêm sinh hoạt phí 500.000 đồng/người/tháng; đi học cao cấp hệ không tập trung tại Quảng Nam và Trung cấp lý luận chính trị (Trừ các lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ không tập trung do cá nhân CBCCVC tự túc đi học) được hỗ trợ thêm 300.000 đồng/người/tháng.

d) Căn cứ để thanh toán học phí là phiếu thu học phí của cơ sở đào tạo nhưng không vượt quá mức trần học phí của đơn vị giáo dục công lập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

2. Hỗ trợ đào tạo nước ngoài

a) Được hỗ trợ 100% học phí và các chi phí bắt buộc khác theo thông báo của cơ sở đào tạo (bao gồm thời gian học dự bị (nếu có));

b) Hỗ trợ sinh hoạt phí theo mức quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này (các nước ở ngoài danh sách quy định tại phụ lục này thực hiện theo quy định hiện hành).

Cán bộ, công chức, viên chức hoặc cơ quan, đơn vị cử đi học chi trả: Chi phí làm thủ tục xuất nhập cảnh, lệ phí làm thị thực, lệ phí khám sức khỏe (nếu có), lệ phí gia hạn thị thực (nếu có), chi phí vé máy bay hạng phổ thông một lượt đi và về để làm thị thực và gia hạn (nếu có); tiền vé máy bay hoặc tiền tàu, xe đi từ Việt Nam đến nơi học tập và ngược lại; bảo hiểm y tế tối thiểu bắt buộc trong thời gian đào tạo ở nước ngoài; chi phí rủi ro, bất khả kháng đối với lưu học sinh; phí chuyển và nhận tiền qua ngân hàng (nếu có) và chi phí đi lại, ăn ở trong nước.

Điều 4. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng

1. Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng)

a) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương: tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi;

b) Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Chủ tịch HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương; giáo sư, chuyên gia cao cấp, tiến sỹ khoa học: tối đa 1.800.000 đồng/người/buổi;

c) Giảng viên, báo cáo viên là Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng thuộc Bộ; Viện trưởng, Phó Viện trưởng thuộc Bộ; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư, tiến sỹ; giảng viên cao cấp và tương đương: tối đa 1.600.000 đồng/người/buổi;

d) Giảng viên, báo cáo viên là lãnh đạo cấp phòng của Cục, Vụ, Viện, thạc sỹ, giảng viên chính và tương đương công tác tại cơ quan, đơn vị ở Trung ương (không bao gồm các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam) và lãnh đạo cấp Sở: tối đa 1.400.000 đồng/người/buổi;

đ) Giảng viên, báo cáo viên là lãnh đạo cấp phòng, thạc sỹ, giảng viên chính và tương đương công tác tại cơ quan, đơn vị ở tỉnh và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: tối đa 1.200.000 đồng/người/buổi;

e) Giảng viên, báo cáo viên có trình độ đại học, giảng viên và tương đương công tác tại cơ quan, đơn vị ở tỉnh và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: tối đa 1.000.000 đồng/người/buổi;

g) Giảng viên, báo cáo viên công tác tại cơ quan, đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống: tối đa 800.000 đồng/người/buổi.

2. Chi nước uống phục vụ lớp học

a) Lớp học có từ 50 học viên trở xuống: chi 100.000đồng/ngày/lớp.

b) Lớp học có trên 50 học viên trở lên: cứ tăng 50 người/lớp được chi thêm 50.000đồng/ngày/lớp.

3. Chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp bồi dưỡng

Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp, bồi dưỡng được trích kinh phí quản lý lớp học như sau:

a) Lớp học dưới 100 học viên: trích tối đa không quá 10% trên tổng kinh phí mỗi lớp học.

b) Lớp học có từ 100 học viên trở lên: trích tối đa không quá 07% trên tổng kinh phí mỗi lớp học.

4. Chi khen thưởng học viên đạt loại giỏi, xuất sắc

Căn cứ kinh phí được cấp, số lượng học viên đạt loại giỏi, xuất sắc, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, xuất sắc không quá 10% trên tổng số học viên của lớp học; mức tiền thưởng không quá 200.000đồng/người.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức do viên chức đóng góp, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác bảo đảm theo quy định của pháp luật.

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được bố trí kinh phí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao hàng năm, nguồn thu hoạt động sự nghiệp, nguồn thu khác (nếu có) theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên được bố trí kinh phí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao hàng năm, nguồn thu hoạt động sự nghiệp, nguồn thu khác (nếu có) và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, kinh phí do đơn vị tự đảm bảo từ các nguồn tài chính của đơn vị; từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn khác theo quy định của pháp luật (nếu có) theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Trường hợp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo các Chương trình, Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn kinh phí thực hiện theo các Chương trình, Đề án đó.

4. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với các đối tượng khác áp dụng Nghị quyết này do cá nhân, nguồn kinh phí hoạt động của cơ quan, đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và xác định danh mục các trường đại học và ngành nghề mà tỉnh có nhu cầu đào tạo, ban hành danh mục các ngành nghề cần đào tạo của tỉnh.

3. Những nội dung khác liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

4. Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

5. Các đối tượng hiện đang theo học tại các cơ sở đào tạo và chưa kết thúc khóa học trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này. Thời điểm hưởng chính sách từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

6. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 52/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày..... tháng..... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày.....tháng..... năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy Ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTƯVQH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Quảng Nam;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH